ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

Số: 2003 /QĐ-ĐHSP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đà Nẵng, ngày 30 tháng 12 năm 2022*

# QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt kết quả thi Kỳ thi cấp chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản - Khóa thi ngày 25/12/2022**

## HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

*Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐT ngày 09/12/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Trung tâm Tin học trực thuộc Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng;*

*Căn cứ Tờ trình ngày 30/12/2022 của Trung tâm Tin học Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc đề nghị phê duyệt kết quả thi Kỳ thi cấp chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản - Khóa thi ngày 25/12/2022;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Tin học Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thi Kỳ thi cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Khóa thi ngày 25/12/2022 tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

*(Danh sách kết quả thi kèm theo)*

**Điều 2.** Giao Giám đốc Trung tâm tin học Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng thực hiện việc cấp chứng chỉ cho các thí sinh đạt yêu cầu; công khai thông tin về danh sách thí sinh được cấp chứng chỉ trên trang thông tin điện tử của Trung tâm theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Thủ trưởng đơn vị liên quan và các thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Đại học Đà Nẵng(để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Lưu: VT, TTTH.

**HIỆU TRƯỞNG**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

**PGS. TS. Lưu Trang**

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# DANH SÁCH KẾT QUẢ THI
# KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
# KHÓA THI NGÀY 25/12/2022 TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

*(Kèm theo Quyết định số 2003 /QĐ-ĐHSP ngày 30 tháng 12 năm 2022*
*của Hiệu trưởng Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)*

| TT | SBD | Họ và tên | | Ngày sinh | Nơi sinh | Điểm trắc nghiệm | Điểm thực hành | Kết quả |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | CH0001 | Alăng Thị | Aly | 17/8/2002 | Quảng Nam | 7,00 | 9,50 | Đạt |
| 2 | CH0002 | Cao Ngọc Khánh | An | 26/7/2002 | Đà Nẵng | 6,00 | 9,00 | Đạt |
| 3 | CH0003 | Lê Phạm Trung | Anh | 05/3/2001 | Quảng Nam | 6,67 | 9,50 | Đạt |
| 4 | CH0004 | Trần Văn Nhật | Anh | 12/7/2001 | Quảng Nam | 9,33 | 9,50 | Đạt |
| 5 | CH0005 | Nguyễn Tăng Minh | Anh | 24/6/1996 | Khánh Hòa | 7,33 | 8,50 | Đạt |
| 6 | CH0006 | Nguyễn Kiều | Anh | 14/02/2002 | Đà Nẵng | 7,00 | 9,50 | Đạt |
| 7 | CH0007 | Nguyễn Thị | Anh | 27/8/2001 | Hà Tĩnh | 8,00 | 6,00 | Đạt |
| 8 | CH0008 | Nguyễn Thị Hà | Anh | 21/4/2001 | Thừa Thiên - Huế | 6,33 | 6,50 | Đạt |
| 9 | CH0009 | Nguyễn Ngọc | Ánh | 01/7/2002 | Hà Tĩnh | 6,33 | 5,00 | Đạt |
| 10 | CH0010 | Trần Hoài | Ân | 23/9/2000 | Quảng Bình | 9,00 | 9,00 | Đạt |
| 11 | CH0011 | Tôn Nữ Gia | Bảo | 30/10/2002 | Thừa Thiên - Huế | 6,67 | 8,00 | Đạt |
| 12 | CH0012 | Trần Văn Khánh | Bảo | 10/9/2000 | Quảng Trị | 8,00 | 9,00 | Đạt |
| 13 | CH0013 | Trần Huỳnh Thị Thương | Bé | 16/7/2003 | Quảng Ngãi | 6,67 | 6,00 | Đạt |
| 14 | CH0014 | Huỳnh Thị Nhật | Bình | 02/5/1998 | Thừa Thiên - Huế | 8,67 | 9,00 | Đạt |
| 15 | CH0015 | Bùi Thị Thanh | Bình | 10/6/2003 | Quảng Nam | 9,33 | 9,50 | Đạt |
| 16 | CH0016 | Nguyễn Ngọc Bảo | Châu | 12/6/2002 | Quảng Nam | 6,00 | 8,50 | Đạt |
| 17 | CH0017 | Ngô Thị Kiều | Chinh | 10/9/2001 | Gia Lai | 8,00 | 8,50 | Đạt |
| 18 | CH0018 | Zorâm | Chương | 01/7/2001 | Quảng Nam | 9,33 | 9,50 | Đạt |
| 19 | CH0019 | Bling Thị | Cước | 20/6/2000 | Quảng Nam | 6,33 | 8,00 | Đạt |
| 20 | CH0020 | Phùng Thị Kim | Cương | 20/11/2002 | Quảng Nam | 6,67 | 5,00 | Đạt |
| 21 | CH0021 | Ngô Thị Bích | Diễm | 23/10/2002 | Quảng Nam | 4,33 | 8,00 | Không đạt |
| 22 | CH0022 | Nguyễn Thị Thùy | Dung | 16/02/2002 | Quảng Nam | 7,33 | 9,00 | Đạt |
| 23 | CH0023 | Văn Thị Thùy | Dung | 07/5/2003 | Đà Nẵng | 7,00 | 9,00 | Đạt |
| 24 | CH0024 | Hồ Thị Thùy | Dung | 02/10/2001 | Đắk Lắk | 7,00 | 8,50 | Đạt |
| 25 | CH0025 | Trương Anh | Duy | 19/12/2000 | Quảng Trị | 8,33 | 9,50 | Đạt |
| 26 | CH0026 | Lê Thị Mỹ | Duyên | 11/5/2001 | Đà Nẵng | 5,33 | 5,00 | Đạt |
| 27 | CH0027 | Mai Kỳ | Duyên | 13/11/2001 | Quảng Nam | 9,00 | 8,50 | Đạt |
| 28 | CH0028 | Phan Thị Mỹ | Duyên | 30/9/2001 | Quảng Nam | 6,33 | 9,00 | Đạt |
| 29 | CH0029 | Lê Thị Mỹ | Duyên | 21/10/2000 | Đắk Lắk | 8,67 | 7,00 | Đạt |
| 30 | CH0030 | Trần Lệ Nhật | Đan | 05/9/2001 | Gia Lai | 7,67 | 10,00 | Đạt |
| 31 | CH0031 | Hà Thị Bích | Đào | 25/8/2001 | Ninh Bình | 5,33 | 9,50 | Đạt |

| TT | SBD | Họ và tên | | Ngày sinh | Nơi sinh | Điểm trắc nghiệm | Điểm thực hành | Kết quả |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 32 | CH0032 | Võ Việt | Đông | 08/8/1991 | Quảng Bình | 5,00 | 7,50 | Đạt |
| 33 | CH0033 | Phạm Thị Ngọc | Gấm | 13/11/1995 | Bình Định | 6,00 | 9,50 | Đạt |
| 34 | CH0034 | Võ Ngân | Hà | 24/01/2002 | Quảng Ngãi | 6,67 | 10,00 | Đạt |
| 35 | CH0035 | Nguyễn Thị | Hà | 24/8/2002 | Quảng Ngãi | 5,00 | 8,00 | Đạt |
| 36 | CH0036 | Nguyễn Thị Thanh | Hà | 26/02/2001 | Đắk Lắk | 7,33 | 10,00 | Đạt |
| 37 | CH0037 | Lê Đặng Trúc | Hà | 03/7/2001 | Kon Tum | 6,67 | 9,00 | Đạt |
| 38 | CH0038 | Võ Thị Nhật | Hạ | 19/4/2001 | Quảng Ngãi | - | - | Vắng thi |
| 39 | CH0039 | Nguyễn Thị Viết | Hải | 05/5/2000 | Đà Nẵng | 7,67 | 10,00 | Đạt |
| 40 | CH0040 | Phạm Công | Hải | 02/10/1995 | Quảng Nam | - | - | Vắng thi |
| 41 | CH0041 | Trần Thị Mỹ | Hạnh | 18/11/2002 | Quảng Nam | 10,00 | 10,00 | Đạt |
| 42 | CH0042 | Bùi Thị | Hạnh | 13/4/2002 | Quảng Nam | 6,67 | 9,50 | Đạt |
| 43 | CH0043 | Phạm Thị Như | Hạnh | 14/02/2003 | Quảng Nam | 7,33 | 9,50 | Đạt |
| 44 | CH0044 | Nguyễn Thị Mỹ | Hạnh | 02/9/2001 | Quảng Nam | 8,67 | 10,00 | Đạt |
| 45 | CH0045 | Nguyễn Thị Hồng | Hạnh | 15/01/2002 | Quảng Nam | 5,00 | 10,00 | Đạt |
| 46 | CH0046 | Nguyễn Thị Xuân | Hằng | 24/01/2001 | Thái Bình | 6,67 | 9,50 | Đạt |
| 47 | CH0047 | Trần Thị Thúy | Hằng | 28/01/2001 | Hà Tĩnh | 6,67 | 10,00 | Đạt |
| 48 | CH0048 | Phạm Thị Thu | Hằng | 10/3/2002 | Hà Tĩnh | 9,00 | 10,00 | Đạt |
| 49 | CH0049 | Võ Thị Thu | Hằng | 12/02/2002 | Ninh Thuận | 7,67 | 9,00 | Đạt |
| 50 | CH0050 | Lê Vũ Minh | Hằng | 22/12/1987 | Quảng Nam | 7,67 | 10,00 | Đạt |
| 51 | CH0051 | Võ Thị | Hằng | 15/10/2001 | Quảng Nam | 6,33 | 9,00 | Đạt |
| 52 | CH0052 | Lê Thị | Hằng | 19/7/2001 | Thanh Hóa | 9,00 | 10,00 | Đạt |
| 53 | CH0053 | Võ Vũ Ngọc | Hân | 27/7/2001 | Quảng Ngãi | 5,67 | 10,00 | Đạt |
| 54 | CH0054 | Ngô Thị Diệu | Hân | 01/01/2000 | Quảng Nam | 9,00 | 10,00 | Đạt |
| 55 | CH0055 | Nguyễn Văn | Hân | 06/02/2001 | Đà Nẵng | 10,00 | 10,00 | Đạt |
| 56 | CH0056 | Nghiêm Thị Thu | Hậu | 16/11/2001 | Đà Nẵng | 6,33 | 10,00 | Đạt |
| 57 | CH0057 | Nguyễn Thị Minh | Hậu | 27/5/2002 | Đà Nẵng | 7,00 | 10,00 | Đạt |
| 58 | CH0058 | Nguyễn Thị | Hiền | 11/3/2002 | Gia Lai | 6,33 | 10,00 | Đạt |
| 59 | CH0059 | Nguyễn Thị | Hiền | 22/4/2003 | Nghệ An | 7,33 | 9,50 | Đạt |
| 60 | CH0060 | Mai Thị | Hiền | 30/3/2002 | Gia Lai | 9,67 | 10,00 | Đạt |
| 61 | CH0061 | Đỗ Thị Thanh | Hiền | 13/12/2002 | Đà Nẵng | 6,00 | 8,00 | Đạt |
| 62 | CH0062 | Trần Thị Phương | Hiếu | 02/9/2002 | Quảng Nam | 4,33 | 5,00 | Không đạt |
| 63 | CH0063 | Phạm Thị Minh | Hiếu | 23/01/2001 | Đà Nẵng | 4,33 | 7,00 | Không đạt |
| 64 | CH0064 | Nguyễn Thị Kim | Hoa | 13/8/2002 | Quảng Nam | 6,00 | 5,50 | Đạt |
| 65 | CH0065 | Nguyễn Thị | Hòa | 25/02/2001 | Quảng Ngãi | 6,33 | 8,00 | Đạt |
| 66 | CH0066 | Đinh Văn | Hội | 10/10/1996 | Quảng Nam | 6,33 | 5,00 | Đạt |
| 67 | CH0067 | Trịnh Ngọc | Huy | 02/01/2001 | Quảng Nam | 8,67 | 10,00 | Đạt |
| 68 | CH0068 | Vũ Phan | Huy | 14/9/2001 | Gia Lai | 8,33 | 10,00 | Đạt |

| TT | SBD | Họ và tên | | Ngày sinh | Nơi sinh | Điểm trắc nghiệm | Điểm thực hành | Kết quả |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 69 | CH0069 | Nguyễn Đức | Huy | 19/4/2000 | Quảng Nam | 8,67 | 10,00 | Đạt |
| 70 | CH0070 | Trịnh Thị Lệ | Huyền | 08/10/2002 | Lâm Đồng | 8,00 | 9,50 | Đạt |
| 71 | CH0071 | Nguyễn Thị Thu | Huyền | 21/8/2001 | Đắk Lắk | 6,00 | 7,00 | Đạt |
| 72 | CH0072 | Lê Nguyễn Như | Huyền | 21/10/2001 | Đà Nẵng | 8,00 | 10,00 | Đạt |
| 73 | CH0073 | Nguyễn Thị Mỹ | Huyền | 19/9/2001 | Quảng Ngãi | 8,00 | 6,50 | Đạt |
| 74 | CH0074 | Hoàng Thị Ngọc | Huyền | 26/3/2001 | Đắk Lắk | 7,67 | 5,50 | Đạt |
| 75 | CH0075 | Phạm Quỳnh | Hương | 15/7/2001 | Đà Nẵng | - | - | Vắng thi |
| 76 | CH0076 | Nguyễn Thị | Hương | 03/5/2001 | Hà Tĩnh | 6,33 | 6,00 | Đạt |
| 77 | CH0077 | Đặng Diệu | Hương | 03/5/2002 | Đà Nẵng | 7,33 | 10,00 | Đạt |
| 78 | CH0078 | Đỗ Thị Thanh | Hường | 23/01/2001 | Đà Nẵng | 8,00 | 6,50 | Đạt |
| 79 | CH0079 | Nguyễn Trần Phương | Khanh | 09/11/2002 | Đà Nẵng | 8,33 | 9,50 | Đạt |
| 80 | CH0080 | Nguyễn Anh | Khoa | 22/9/2002 | Quảng Ngãi | 8,33 | 9,00 | Đạt |
| 81 | CH0081 | Huỳnh Thị Kim | Lành | 04/12/2002 | Quảng Ngãi | 6,00 | 5,50 | Đạt |
| 82 | CH0082 | Alăng Thị Mai | Lê | 26/01/2001 | Quảng Nam | 8,33 | 6,00 | Đạt |
| 83 | CH0083 | Trịnh Thị Mỹ | Lệ | 28/02/2001 | Đà Nẵng | 3,67 | 0,50 | Không đạt |
| 84 | CH0084 | Nguyễn Thị Hồng | Liên | 01/8/1998 | Đà Nẵng | 5,00 | 5,50 | Đạt |
| 85 | CH0085 | Hồ Thị Thanh | Liên | 12/4/2001 | Đà Nẵng | 6,67 | 7,00 | Đạt |
| 86 | CH0086 | Ngô Thị Kiều | Liên | 09/8/2003 | Đà Nẵng | 5,33 | 5,00 | Đạt |
| 87 | CH0087 | Võ Thị Hoàng | Liên | 11/11/2001 | Gia Lai | 3,67 | 5,50 | Không đạt |
| 88 | CH0088 | Nguyễn Thị Tài | Linh | 19/5/2002 | Kon Tum | 6,00 | 9,00 | Đạt |
| 89 | CH0089 | Hoàng Thị | Linh | 05/7/2002 | Đà Nẵng | 9,67 | 10,00 | Đạt |
| 90 | CH0090 | Trần Thảo | Linh | 02/11/2002 | Nghệ An | 7,33 | 9,50 | Đạt |
| 91 | CH0091 | Tôn Thị Diễm | Linh | 21/10/2001 | Quảng Nam | 4,67 | 5,00 | Không đạt |
| 92 | CH0092 | Trần Thị | Linh | 23/4/2003 | Quảng Ngãi | 7,33 | 7,50 | Đạt |
| 93 | CH0093 | Hà Thị Yến | Linh | 10/5/2001 | Đồng Nai | 9,33 | 9,50 | Đạt |
| 94 | CH0094 | Trần Thị Hoài | Linh | 20/11/2001 | Quảng Nam | 8,00 | 10,00 | Đạt |
| 95 | CH0095 | Võ Đức | Luân | 16/3/2001 | Đà Nẵng | 6,67 | 9,50 | Đạt |
| 96 | CH0096 | Nguyễn Thị Thanh | Luyến | 25/01/2002 | Kon Tum | 4,33 | 5,00 | Không đạt |
| 97 | CH0097 | Nguyễn Thị Ngọc | Ly | 05/5/2002 | Quảng Nam | 8,67 | 8,00 | Đạt |
| 98 | CH0098 | Huỳnh Khánh | Ly | 23/6/2002 | Đà Nẵng | 6,33 | 5,00 | Đạt |
| 99 | CH0099 | Đinh Ngô Thảo | Ly | 06/4/2002 | Đà Nẵng | 7,33 | 6,00 | Đạt |
| 100 | CH0100 | Lưu Thị Hồng | Ly | 01/6/2001 | Bình Định | 8,00 | 5,50 | Đạt |
| 101 | CH0101 | Nguyễn Trần Thị Mai | Ly | 23/8/2001 | Quảng Nam | 7,67 | 10,00 | Đạt |
| 102 | CH0102 | Võ Thị Hoài | Ly | 01/12/2002 | Quảng Nam | 7,67 | 6,00 | Đạt |
| 103 | CH0103 | Lưu Thị Ngọc | Mai | 19/01/2002 | Quảng Bình | 6,00 | 8,50 | Đạt |
| 104 | CH0104 | Alăng Thị | Me | 10/10/2002 | Quảng Nam | 6,33 | 10,00 | Đạt |
| 105 | CH0105 | Hồ Văn | Minh | 19/01/2000 | Thừa Thiên - Huế | 8,00 | 9,00 | Đạt |

| TT | SBD | Họ và tên | | Ngày sinh | Nơi sinh | Điểm trắc nghiệm | Điểm thực hành | Kết quả |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 106 | CH0106 | Trương Thanh | Minh | 11/5/2000 | Quảng Nam | 7,33 | 10,00 | Đạt |
| 107 | CH0107 | Lê Thị Trà | My | 24/8/2001 | Đà Nẵng | 9,67 | 10,00 | Đạt |
| 108 | CH0108 | Nguyễn Thị Hạ | My | 26/5/2002 | Quảng Nam | 8,33 | 10,00 | Đạt |
| 109 | CH0109 | Nguyễn Thị Thùy | Mỹ | 14/7/2002 | Đà Nẵng | 7,00 | 9,50 | Đạt |
| 110 | CH0110 | Lê Li | Na | 28/8/2002 | Quảng Nam | 7,33 | 6,00 | Đạt |
| 111 | CH0111 | Nguyễn Thị | Nga | 07/10/1997 | Hải Dương | 4,67 | 6,00 | Không đạt |
| 112 | CH0112 | Lê Trà | Ngân | 06/01/1995 | Đà Nẵng | 10,00 | 10,00 | Đạt |
| 113 | CH0113 | Dương Thị | Ngân | 11/12/2002 | Quảng Bình | 8,33 | 10,00 | Đạt |
| 114 | CH0114 | Nguyễn Thị Kim | Ngân | 26/5/2001 | Quảng Nam | 5,67 | 10,00 | Đạt |
| 115 | CH0115 | Huỳnh Trần Anh | Nghĩa | 29/8/2001 | Đà Nẵng | 7,67 | 10,00 | Đạt |
| 116 | CH0116 | Trần Thị Hồng | Ngọc | 17/5/2000 | Bình Phước | 8,00 | 10,00 | Đạt |
| 117 | CH0117 | Trần Thanh Thảo | Nguyên | 04/02/1998 | Đà Nẵng | - | - | Vắng thi |
| 118 | CH0118 | Ngô Thị Thu | Nguyệt | 15/3/2003 | Đà Nẵng | 7,33 | 10,00 | Đạt |
| 119 | CH0119 | Nguyễn Phạm Minh | Nguyệt | 09/9/2001 | Quảng Nam | 6,00 | 10,00 | Đạt |
| 120 | CH0120 | Huỳnh Hoài | Nhân | 05/01/2002 | Đà Nẵng | 6,00 | 9,00 | Đạt |
| 121 | CH0121 | Nguyễn Đắc Thiện | Nhân | 31/10/2000 | Quảng Nam | 7,67 | 9,50 | Đạt |
| 122 | CH0122 | Lê Thị | Nhân | 15/11/2001 | Quảng Nam | 6,67 | 8,00 | Đạt |
| 123 | CH0123 | Hoàng Nguyễn Tuệ | Nhi | 22/9/2002 | Đà Nẵng | 8,33 | 9,00 | Đạt |
| 124 | CH0124 | Nguyễn Thị Yến | Nhi | 07/01/2002 | Quảng Trị | 8,00 | 9,00 | Đạt |
| 125 | CH0125 | Ksor H' | Nhi | 19/11/2001 | Gia Lai | 7,33 | 9,00 | Đạt |
| 126 | CH0126 | Trần Thị Lệ | Nhi | 24/8/2002 | Quảng Nam | 7,00 | 9,50 | Đạt |
| 127 | CH0127 | Lê Thị Ý | Nhi | 23/5/2001 | Quảng Nam | 8,67 | 10,00 | Đạt |
| 128 | CH0128 | Nguyễn Mai Quỳnh | Nhi | 11/6/2002 | Đà Nẵng | 6,33 | 10,00 | Đạt |
| 129 | CH0129 | Đinh Thị Uyên | Nhi | 21/6/2002 | Đà Nẵng | 7,00 | 10,00 | Đạt |
| 130 | CH0130 | Nguyễn Thị Tuyết | Nhi | 02/4/2001 | Thừa Thiên - Huế | 5,33 | 9,50 | Đạt |
| 131 | CH0131 | Trần Bích Ái | Nhi | 26/02/1999 | Đà Nẵng | 6,67 | 5,50 | Đạt |
| 132 | CH0132 | Ngô Đỗ Yến | Nhi | 13/6/2002 | Quảng Nam | 8,00 | 8,50 | Đạt |
| 133 | CH0133 | Lê Cẩm | Nhung | 29/8/2002 | Hà Tĩnh | 7,67 | 10,00 | Đạt |
| 134 | CH0134 | Trần Thị Mỹ | Nhung | 03/9/2002 | Đà Nẵng | 7,67 | 10,00 | Đạt |
| 135 | CH0135 | Nguyễn Quỳnh | Như | 22/8/2001 | Đắk Lắk | 8,33 | 10,00 | Đạt |
| 136 | CH0136 | Phan Thị Quỳnh | Như | 02/11/2001 | Nghệ An | 5,67 | 8,00 | Đạt |
| 137 | CH0137 | Nguyễn Quỳnh | Như | 09/7/2001 | Gia Lai | 6,33 | 5,00 | Đạt |
| 138 | CH0138 | Siu | Nik | 23/9/2000 | Gia Lai | 8,00 | 8,50 | Đạt |
| 139 | CH0139 | Nguyễn Thị | Nở | 03/3/2001 | Bình Định | 7,67 | 10,00 | Đạt |
| 140 | CH0140 | Đinh Thị Kiều | Oanh | 12/3/2002 | Quảng Nam | 6,00 | 9,00 | Đạt |
| 141 | CH0141 | Ung Thị Thu | Phước | 24/02/2002 | Quảng Nam | 8,00 | 9,50 | Đạt |
| 142 | CH0142 | Coor Thị | Phương | 07/01/2001 | Quảng Nam | 8,00 | 5,00 | Đạt |

| TT | SBD | Họ và tên | | Ngày sinh | Nơi sinh | Điểm trắc nghiệm | Điểm thực hành | Kết quả |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 143 | CH0143 | Đặng Thị Thu | Phương | 30/8/2001 | Quảng Nam | 7,33 | 9,00 | Đạt |
| 144 | CH0144 | Nguyễn Thị Bích | Phương | 02/6/2002 | Nghệ An | 6,00 | 9,00 | Đạt |
| 145 | CH0145 | Huỳnh Thu | Phương | 12/5/2002 | Gia Lai | 7,00 | 5,00 | Đạt |
| 146 | CH0146 | Vũ Thị | Phương | 05/5/2001 | Thanh Hóa | 8,00 | 8,50 | Đạt |
| 147 | CH0147 | Nguyễn Thị Anh | Phương | 26/11/2002 | Đà Nẵng | 6,67 | 8,50 | Đạt |
| 148 | CH0148 | Nguyễn Thị | Phương | 21/3/2001 | Hà Tĩnh | 8,33 | 9,00 | Đạt |
| 149 | CH0149 | Võ Thị | Phượng | 10/10/1998 | Quảng Ngãi | 8,67 | 9,50 | Đạt |
| 150 | CH0150 | Bùi Văn | Quy | 28/9/2001 | Đà Nẵng | 8,00 | 9,50 | Đạt |
| 151 | CH0151 | Mai Như Đoan | Quyên | 06/8/2002 | Đà Nẵng | 7,67 | 5,50 | Đạt |
| 152 | CH0152 | Trần Hạ | Quyên | 12/9/2001 | Hồ Chí Minh | 7,67 | 8,50 | Đạt |
| 153 | CH0153 | Ksor H' | Quyên | 04/6/2002 | Gia Lai | 6,67 | 9,00 | Đạt |
| 154 | CH0154 | Nguyễn Hoàng | Quyền | 14/9/2000 | Đà Nẵng | 9,33 | 9,50 | Đạt |
| 155 | CH0155 | Hồ Thị Khánh | Quỳnh | 19/7/2002 | Đà Nẵng | 8,00 | 9,50 | Đạt |
| 156 | CH0156 | Hồ Nguyễn Ngọc | Quỳnh | 15/8/2001 | Đà Nẵng | 7,67 | 9,00 | Đạt |
| 157 | CH0157 | Phạm Thị Như | Quỳnh | 20/9/2002 | Quảng Ngãi | 7,33 | 9,00 | Đạt |
| 158 | CH0158 | Phan Ngô Như | Quỳnh | 06/6/2001 | Đà Nẵng | 7,00 | 9,50 | Đạt |
| 159 | CH0159 | Nguyễn Diễm | Quỳnh | 24/7/1999 | Khánh Hòa | 8,33 | 9,50 | Đạt |
| 160 | CH0160 | Nguyễn Thị Mi | Sa | 17/10/2001 | Đà Nẵng | 7,00 | 5,00 | Đạt |
| 161 | CH0161 | Nguyễn Duy | Sơn | 23/12/2001 | Đắk Lắk | 10,00 | 9,50 | Đạt |
| 162 | CH0162 | Trần Thị Thảo | Sương | 02/02/2001 | Đà Nẵng | 5,67 | 8,00 | Đạt |
| 163 | CH0163 | Nguyễn Xuân | Tài | 20/4/2001 | Nghệ An | 9,00 | 5,00 | Đạt |
| 164 | CH0164 | Nguyễn Minh | Tâm | 01/7/2002 | Đà Nẵng | 7,67 | 4,00 | Không đạt |
| 165 | CH0165 | Hà Nguyễn Minh | Tân | 16/8/2003 | Bình Định | 9,33 | 9,00 | Đạt |
| 166 | CH0166 | Nguyễn Hoàng Nhật | Tân | 12/7/1999 | Quảng Nam | 7,00 | 6,00 | Đạt |
| 167 | CH0167 | Phan Thị Thanh | Thanh | 09/6/2002 | Quảng Ngãi | 4,67 | 5,00 | Không đạt |
| 168 | CH0168 | Nguyễn Ngọc | Thanh | 04/11/2002 | Quảng Nam | 5,33 | 1,00 | Không đạt |
| 169 | CH0169 | Nguyễn Thị Phương | Thảo | 13/5/2002 | Đắk Lắk | 6,00 | 7,50 | Đạt |
| 170 | CH0170 | Lương Phương | Thảo | 09/7/2002 | Thanh Hóa | 8,67 | 10,00 | Đạt |
| 171 | CH0171 | Nguyễn Thị Yến | Thảo | 10/8/2002 | Nghệ An | 7,33 | 8,50 | Đạt |
| 172 | CH0172 | Lê Thị Bích | Thảo | 06/3/2001 | Đà Nẵng | 6,00 | 8,00 | Đạt |
| 173 | CH0173 | Nguyễn Đoàn Thu | Thảo | 10/4/2002 | Quảng Ngãi | 6,67 | 9,00 | Đạt |
| 174 | CH0174 | Nguyễn Thị | Thắng | 01/7/1999 | Thanh Hóa | 7,00 | 6,50 | Đạt |
| 175 | CH0175 | Nguyễn Hữu Ngọc | Thắng | 29/3/2002 | Đà Nẵng | 6,67 | 8,50 | Đạt |
| 176 | CH0176 | Vũ Như | Thiên | 07/5/2000 | Ninh Thuận | 9,33 | 9,00 | Đạt |
| 177 | CH0177 | Nguyễn Thị | Thơ | 30/3/2002 | Hà Tĩnh | 9,33 | 8,00 | Đạt |
| 178 | CH0178 | Đỗ Thị | Thơm | 08/4/2001 | Quảng Nam | 8,00 | 8,00 | Đạt |
| 179 | CH0179 | Nguyễn Thị Nguyệt | Thu | 14/01/2002 | Quảng Nam | 7,67 | 7,50 | Đạt |

| TT | SBD | Họ và tên | | Ngày sinh | Nơi sinh | Điểm trắc nghiệm | Điểm thực hành | Kết quả |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 180 | CH0180 | Nguyễn Thị | Thuận | 26/02/2002 | Kon Tum | 7,33 | 8,00 | Đạt |
| 181 | CH0181 | Trần Phước | Thuận | 09/02/1999 | Đà Nẵng | 9,33 | 7,50 | Đạt |
| 182 | CH0182 | Nguyễn Thanh | Thúy | 19/8/2003 | Gia Lai | 6,67 | 7,50 | Đạt |
| 183 | CH0183 | Phạm Thị Minh | Thùy | 22/01/2001 | Quảng Bình | 7,67 | 9,00 | Đạt |
| 184 | CH0184 | Nguyễn Thái Thanh | Thùy | 10/12/2001 | Kon Tum | 8,00 | 9,00 | Đạt |
| 185 | CH0185 | Trần Thị Bích | Thủy | 13/5/2001 | Đà Nẵng | 6,33 | 7,50 | Đạt |
| 186 | CH0186 | Trương Thị Thu | Thủy | 07/8/2001 | Quảng Trị | 5,67 | 8,50 | Đạt |
| 187 | CH0187 | Phạm Thị Thu | Thủy | 20/02/2002 | Quảng Ngãi | 5,67 | 4,00 | Không đạt |
| 188 | CH0188 | Phạm Thị | Thuyền | 21/9/2000 | Quảng Nam | 6,00 | 6,00 | Đạt |
| 189 | CH0189 | Đặng Ngọc | Thư | 16/10/2001 | Đà Nẵng | 5,67 | 5,00 | Đạt |
| 190 | CH0190 | Đồng Hồng Anh | Thư | 30/6/2001 | Gia Lai | 7,33 | 7,00 | Đạt |
| 191 | CH0191 | Phan Thị Ánh | Thư | 15/01/2001 | Đà Nẵng | 8,33 | 8,00 | Đạt |
| 192 | CH0192 | Nguyễn Ái | Thư | 15/12/2002 | Đà Nẵng | 8,33 | 9,50 | Đạt |
| 193 | CH0193 | Hứa Thị Minh | Thư | 21/4/2002 | Quảng Nam | 5,67 | 6,00 | Đạt |
| 194 | CH0194 | Nguyễn Hoàng Anh | Thư | 02/02/2000 | Quảng Nam | 7,33 | 6,00 | Đạt |
| 195 | CH0195 | Nguyễn Thị Hoài | Thương | 20/7/2001 | Hà Tĩnh | 7,67 | 7,00 | Đạt |
| 196 | CH0196 | Nguyễn Thị | Thương | 20/9/2002 | Nghệ An | 7,33 | 7,50 | Đạt |
| 197 | CH0197 | Nguyễn Thị | Thương | 04/02/2002 | Quảng Nam | 6,00 | 6,50 | Đạt |
| 198 | CH0198 | Trần Thị | Thương | 05/3/2001 | Quảng Nam | 6,00 | 9,00 | Đạt |
| 199 | CH0199 | Nguyễn Ngọc Hương | Tiên | 13/9/2002 | Đà Nẵng | 7,33 | 9,50 | Đạt |
| 200 | CH0200 | Hồ Thị Quý | Tiên | 14/10/2001 | Đà Nẵng | 8,00 | 9,50 | Đạt |
| 201 | CH0201 | Chướng Thị Cẩm | Tiến | 01/5/2001 | Đà Nẵng | 8,00 | 7,00 | Đạt |
| 202 | CH0202 | Nguyễn Thị Thuỳ | Trang | 19/8/2002 | Đà Nẵng | 5,67 | 7,00 | Đạt |
| 203 | CH0203 | Nguyễn Quỳnh | Trang | 14/12/2002 | Nghệ An | 6,67 | 7,00 | Đạt |
| 204 | CH0204 | Nguyễn Hồ Thiên | Trang | 23/8/2002 | Hà Tĩnh | 9,00 | 8,00 | Đạt |
| 205 | CH0205 | Nguyễn Lê Ngọc Thùy | Trang | 30/3/2002 | Hồ Chí Minh | 6,33 | 5,00 | Đạt |
| 206 | CH0206 | Phan Thị Kiều | Trang | 24/11/2002 | Đà Nẵng | 5,67 | 5,00 | Đạt |
| 207 | CH0207 | Bùi Thị Thùy | Trang | 02/02/2002 | Quảng Bình | 8,00 | 5,00 | Đạt |
| 208 | CH0208 | Nguyễn Thị Thùy | Trang | 19/11/2002 | Quảng Nam | 7,00 | 6,00 | Đạt |
| 209 | CH0209 | Võ Thị Thùy | Trang | 22/6/2001 | Gia Lai | 7,33 | 5,00 | Đạt |
| 210 | CH0210 | Lê Thu | Trang | 08/3/2001 | Thanh Hóa | 6,33 | 7,00 | Đạt |
| 211 | CH0211 | Nguyễn Huỳnh Kiều | Trang | 27/9/2001 | Đà Nẵng | 6,67 | 9,00 | Đạt |
| 212 | CH0212 | Phạm Thị Huyền | Trâm | 15/8/2001 | Hà Tĩnh | 7,00 | 8,50 | Đạt |
| 213 | CH0213 | Huỳnh Thị Mỹ | Trâm | 24/8/2001 | Quảng Nam | 9,67 | 9,50 | Đạt |
| 214 | CH0214 | Nguyễn Thị Huyền | Trâm | 05/10/2002 | Đà Nẵng | 5,67 | 5,00 | Đạt |
| 215 | CH0215 | Võ Thị Thu | Trâm | 20/11/2001 | Gia Lai | 5,33 | 7,00 | Đạt |
| 216 | CH0216 | Trần Thị Lệ | Trâm | 22/3/2001 | Đà Nẵng | 8,33 | 8,00 | Đạt |

| TT | SBD | Họ và tên | | Ngày sinh | Nơi sinh | Điểm trắc nghiệm | Điểm thực hành | Kết quả |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 217 | CH0217 | Nguyễn Thị Huyền | Trâm | 02/02/2001 | Đà Nẵng | 8,33 | 7,00 | Đạt |
| 218 | CH0218 | Hứa Bội | Trân | 26/10/1984 | Đà Nẵng | 9,33 | 8,50 | Đạt |
| 219 | CH0219 | Nguyễn Thị Thùy | Trinh | 09/6/2001 | Đà Nẵng | 8,67 | 8,00 | Đạt |
| 220 | CH0220 | Đặng Thị Lan | Trinh | 20/11/2002 | Đà Nẵng | 8,00 | 9,00 | Đạt |
| 221 | CH0221 | Hồ Thị Ngọc | Trinh | 29/6/2002 | Đà Nẵng | 7,00 | 7,00 | Đạt |
| 222 | CH0222 | Nguyễn Thị Thanh | Trúc | 15/4/2002 | Bình Định | 6,33 | 6,00 | Đạt |
| 223 | CH0223 | Đỗ Trường | Trung | 10/12/2003 | Đắk Lắk | 7,67 | 9,00 | Đạt |
| 224 | CH0224 | Đinh Nguyên | Tú | 07/6/1999 | Quảng Nam | 8,00 | 8,00 | Đạt |
| 225 | CH0225 | Y - | Tuế | 18/6/2001 | Kon Tum | 9,67 | 9,00 | Đạt |
| 226 | CH0226 | Phan Nguyễn Thanh | Tuyền | 22/6/2001 | Quảng Ngãi | 7,33 | 8,50 | Đạt |
| 227 | CH0227 | Trương Ánh | Tuyết | 22/10/2002 | Đắk Lắk | 6,00 | 8,00 | Đạt |
| 228 | CH0228 | Nguyễn Tấn | Tường | 28/12/2001 | Quảng Nam | 7,67 | 8,00 | Đạt |
| 229 | CH0229 | Nguyễn Ngọc Mỹ | Uyên | 26/02/2001 | Đà Nẵng | 8,00 | 8,50 | Đạt |
| 230 | CH0230 | Tôn Thái Phương | Uyên | 29/11/2002 | Đà Nẵng | 7,33 | 8,50 | Đạt |
| 231 | CH0231 | Lê Bảo Ngọc | Uyên | 25/3/2002 | Gia Lai | 7,33 | 8,50 | Đạt |
| 232 | CH0232 | Nguyễn Thị Hạ | Uyên | 09/9/2002 | Đà Nẵng | 7,33 | 9,50 | Đạt |
| 233 | CH0233 | Lê Thị Thảo | Uyên | 16/5/2000 | Đà Nẵng | 8,33 | 9,50 | Đạt |
| 234 | CH0234 | Đinh Tú | Uyên | 05/02/2001 | Quảng Nam | 9,00 | 10,00 | Đạt |
| 235 | CH0235 | Trần Thị Lam | Uyên | 23/11/2001 | Đà Nẵng | 8,33 | 7,50 | Đạt |
| 236 | CH0236 | Ngô Thị Thục | Uyên | 06/02/2000 | Đà Nẵng | 9,00 | 9,00 | Đạt |
| 237 | CH0237 | Lê Thị Tú | Uyên | 09/10/2001 | Quảng Nam | 7,33 | 8,00 | Đạt |
| 238 | CH0238 | Lê Tố | Uyên | 20/11/2002 | Quảng Nam | 6,33 | 5,00 | Đạt |
| 239 | CH0239 | Lê Thị Tường | Vân | 24/7/2002 | Hà Tĩnh | 9,00 | 7,50 | Đạt |
| 240 | CH0240 | Đặng Thị Thảo | Vân | 22/02/2001 | Đắk Lắk | 8,67 | 5,00 | Đạt |
| 241 | CH0241 | Trần Thị Bích | Vân | 24/10/2002 | Đà Nẵng | 6,67 | 8,00 | Đạt |
| 242 | CH0242 | Hoàng Yến | Vi | 06/02/2001 | Đà Nẵng | 7,00 | 6,50 | Đạt |
| 243 | CH0243 | Nguyễn Thị Tường | Vi | 23/01/2002 | Quảng Nam | 8,33 | 9,00 | Đạt |
| 244 | CH0244 | Hà Hiền | Vi | 03/8/2001 | Bình Định | 8,33 | 5,00 | Đạt |
| 245 | CH0245 | Đỗ Thị Lệ | Vi | 02/01/2002 | Gia Lai | 4,00 | 2,50 | Không đạt |
| 246 | CH0246 | Nguyễn Xuân | Việt | 22/3/1992 | Khánh Hòa | 7,33 | 8,00 | Đạt |
| 247 | CH0247 | Nguyễn Thành | Vinh | 17/10/2000 | Thanh Hóa | 8,00 | 5,50 | Đạt |
| 248 | CH0248 | Phạm Ngọc | Vũ | 28/3/2001 | Đà Nẵng | 8,00 | 5,50 | Đạt |
| 249 | CH0249 | Đồng Đắc | Vũ | 06/11/2002 | Quảng Nam | 10,00 | 9,50 | Đạt |
| 250 | CH0250 | Trần Thị Thảo | Vy | 18/5/2001 | Quảng Trị | 7,67 | 9,00 | Đạt |
| 251 | CH0251 | Lê Thị Thuỳ | Vy | 12/01/2003 | Bình Định | 8,33 | 8,00 | Đạt |
| 252 | CH0252 | Briu Thị | Xíu | 01/3/2001 | Quảng Nam | 7,67 | 3,00 | Không đạt |
| 253 | CH0253 | Phùng Thị | Xuân | 21/01/2001 | Đà Nẵng | 7,67 | 9,00 | Đạt |

| TT | SBD | Họ và tên | | Ngày sinh | Nơi sinh | Điểm trắc nghiệm | Điểm thực hành | Kết quả |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 254 | CH0254 | Nguyễn Thị Như | Ý | 23/4/2002 | Quảng Ngãi | 7,00 | 3,00 | Không đạt |
| 255 | CH0255 | Nguyễn Thị Xuân | Yên | 20/8/2002 | Đà Nẵng | 3,67 | 2,50 | Không đạt |
| 256 | CH0256 | Nguyễn Thị | Yến | 22/11/2001 | Gia Lai | 7,67 | 7,50 | Đạt |
| 257 | CH0257 | Nguyễn Thị Mỹ | Yến | 01/9/2001 | Quảng Nam | 9,00 | 9,50 | Đạt |
| 258 | CH0258 | Trần Minh | Yến | 07/6/2001 | Đà Nẵng | 9,67 | 9,50 | Đạt |
| 259 | CH0259 | Nguyễn Thị Kim | Yến | 27/01/2001 | Quảng Nam | 8,00 | 8,00 | Đạt |
| 260 | CH0260 | Nguyễn Thị Bảo | Yến | 12/12/1999 | Quảng Nam | 8,67 | 9,00 | Đạt |

Ấn định danh sách này có 260 thí sinh, trong đó:

- Đạt: 240 thí sinh
- Không đạt: 16 thí sinh.
- Vắng thi: 4 thí sinh.

**HIỆU TRƯỞNG**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

**PGS. TS. Lưu Trang**